

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; **Giảng viên thỉnh giảng**

Ngành: **Thủy sản**; Chuyên ngành: **Nuôi trồng thủy sản**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **THÁI THANH BÌNH**

2. Ngày tháng năm sinh: **31/7/1971**; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

4. Quê quán: **Xã Đức Hòa, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số nhà 176, phố Lý Nhân Tông, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.**

6. Địa chỉ liên hệ:

Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản

Phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại nhà riêng: **024.382.74251**; Điện thoại di động: **098.329.7175**;

E-mail: **ttbinh@cdts.edu.vn**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

| Từ tháng, năm đến tháng, năm | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|-------------------------------------|--|
| 3/1997-12/1999 | Phó trại trưởng, Trại thực nghiệm Nuôi trồng thủy sản, Viện nghiên |

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

| | |
|-------------------|--|
| | cứ Nuôi trồng thủy sản I, Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh. |
| 1/2000-12/2001 | Nghiên cứu viên, phòng môi trường, Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh. |
| 2-12/2002 | Học viên cao học, Trường đại học tổng hợp Deakin, Victoria, Australia. |
| 2/2003-6/2006 | Nghiên cứu sinh, Trường đại học tổng hợp Charles Darwin, Darwin, Australia. |
| 7/2006-10/2007 | Trợ lý nghiên cứu khoa học, hướng dẫn thực hành sinh học phân tử cho sinh viên, Trường đại học tổng hợp Charles Darwin, Australia. |
| 11/2007-10/2008 | Trợ lý hiệu trưởng, Trường Cao đẳng Thủy sản. |
| 2/2008- đến nay | Giảng viên thỉnh giảng, Trường Đại học Nha Trang |
| 11/2008-2/2017 | Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản. |
| 10/2010 – đến nay | Giảng viên thỉnh giảng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội |
| 12/2014-6/2016 | Học viên lớp Cao cấp lý luận chính trị Khối cơ quan Trung ương, khóa 47, Học viện Chính trị Hồ Chí Minh, Hà Nội. |
| 1/2014- đến nay | Chuyên gia Thủy sản - Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 3/2016- đến nay | Giảng viên thỉnh giảng Học Viện nông nghiệp Việt Nam |
| 3/2017- đến nay | Phó hiệu trưởng, Trường cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản. |
| 9/2019-đến nay | Giảng viên thỉnh giảng Trường Đại học Vinh |
| 1/2019- đến nay | Ủy viên Ban chấp hành Hội nghề cá Việt Nam |

Chức vụ hiện nay: **Phó hiệu trưởng, Giảng viên chính.**

Chức vụ cao nhất đã qua: **Phó hiệu trưởng**

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và thủy sản.**

Địa chỉ cơ quan: **phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh**

Điện thoại cơ quan: **0222.383.1422**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- **Khoa Thủy sản, Học viện Nông nghiệp Việt Nam (từ 2016 đến nay)**

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- **Viện Nghiên cứu Thủy sản, Đại học Nha Trang (từ 2008 đến nay)**

- **Khoa sinh học, Đại học Sư phạm Hà Nội (Từ 2010- đến nay)**

- **Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Đại học Vinh (Từ 2019 đến nay)**

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm : Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): **Học Viện Nông nghiệp Việt Nam**

9. Trình độ đào tạo:

- **Được cấp bằng Đại học ngày 31 tháng 12 năm 1997; ngành: Thủy sản; chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản**

Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Nha Trang

- **Được cấp bằng Graduate Diploma ngày 28 tháng 10 năm 2003, ngành: Thủy sản, chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản**

Nơi cấp bằng Graduate Diploma: Trường Đại học Deakin, Australia.

- **Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 25 tháng 5 năm 2007; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Di truyền phân tử ứng dụng trong Nuôi trồng thủy sản.**

Nơi cấp bằng Tiến sỹ: Trường Đại học tổng hợp Charles Darwin, Australia

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: **Phó giáo sư tại HĐGS; cơ sở: Học Viện Nông nghiệp Việt Nam**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: **Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi-Thú y-Thủy sản.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

-Nghiên cứu ứng dụng di truyền phân tử trong phân loại, bảo tồn, kết hợp với di truyền số lượng chọn tạo giống động vật thủy sản; kiểm soát bệnh động vật thủy sản, chất lượng sản phẩm thủy sản;

-Nghiên cứu công nghệ sản xuất giống và nuôi các loài nuôi thủy sản mới, đặc biệt nhuyễn thể và cá biển.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- **Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;**

- **Đã hướng dẫn 15 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS**

- **Đã hoàn thành đề tài NCKH: 01 đề tài cấp nhà nước; 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp tỉnh; 02 đề tài cấp cơ sở (Đặt hàng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)**

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Đã công bố: 39 bài báo KH, trong đó 10 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản: 04 quyển thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| Năm | Danh hiệu thi đua | Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận và cơ quan ban hành |
|------------|--|---|
| 2009 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2008-2009. | Quyết định số 509/QĐ-CĐTS ngày 28/7/2009 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thủy sản |
| 2011 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2010-2011. | Quyết định số 390/QĐ-CĐTS ngày 01/8/2011 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thủy sản |
| 2012 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2011-2012. | Quyết định số 384/QĐ-CĐTS ngày 25/7/2012 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thủy sản |
| 2013 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2012-2013. | Quyết định số 400/QĐ-CĐTS ngày 27/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thủy sản |
| 2014 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2013-2014. | Quyết định số 241/QĐ-CĐTS ngày 01/8/2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thủy sản |
| 2015 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2014-2015. | Quyết định số 243/QĐ-CĐTS ngày 21/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thủy sản |
| 2016 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2015-2016. | Quyết định số 337/QĐ-CĐTS ngày 8/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thủy sản |
| 2017 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đã có thành | Quyết định số 375/QĐ-CĐTS ngày 31/7/2017 |

| | | |
|------|--|---|
| | tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2016-2017. | của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản |
| 2018 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2017-2018. | Quyết định số 371B/QĐ-CDKTKTTS ngày 25/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản |
| 2019 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019. | Quyết định số 411/QĐ-CDKTKTTS ngày 12/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản |
| 2009 | Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2008-2009 | QĐ số 3031/QĐ-BNN, ngày 26/10/2009 của Bộ trưởng Bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2010 | Bằng khen của Giám đốc Sở Đào tạo và Giáo dục Bắc Ninh, đã có thành tích trong công tác, tự học và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giai đoạn 1997-2010 | Quyết định số 54, ngày 24/10/2010, của Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh. |
| 2010 | Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2009-2010 | Quyết định số 2634/QĐ-BNN ngày 05/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2013 | Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2012-2013. | Quyết định số 2201/QĐ-BNN ngày 30/9/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2016 | Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2015-2016 | Quyết định số 4668/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2017 | Bằng khen của Ban chấp hành công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đã | Quyết định khen thưởng số 261/18/9/2017 của Ban |

| | | |
|------|--|---|
| | có thành tích xuất sắc trong công tác đào tạo và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm học 2016-2017 | chất hành công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam |
| 2017 | Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo từ năm học 2012-2013 đến năm học 2016-2017, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc | Quyết định số 1876/QĐ-TTg ngày 27/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ |
| 2001 | Giấy khen, huy chương vì đóng góp vào sự thành công của dự án Nuôi trồng thủy sản bền vững vùng miền núi Vĩnh Phúc, miền Bắc Việt Nam, Hợp tác giữa Viện Nghiên cứu thủy sản I và Viện Nghiên cứu và Phát triển Nam Úc, được tài trợ bởi Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp Quốc Tế, Australia (ACIAR) | Viện Nghiên cứu và Phát triển Nam Australia (SARDI) |
| 2009 | Bằng khen của Trung ương đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, đạt giải Ba tại Hội nghị khoa học tuổi trẻ các trường đại học và cao đẳng khối Nông-Lâm-Ngư | Quyết định số 149/QĐ-TWĐTN ngày 17/3/2009 của Trung ương đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Ứng viên có trình độ cao cấp lý luận chính trị, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức lối sống lành mạnh, có lý lịch bản thân rõ ràng đáp ứng yêu cầu về chính trị; Luôn giữ đạo đức nghề nghiệp, trung thực khách quan trong đào tạo và hoạt động chuyên môn nghiên cứu khoa học.

- Sức khỏe của ứng viên đảm bảo cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý.

- Ứng viên là Tiến sĩ, giảng viên chính được đào tạo sau đại học ở Australia với hơn 20 năm công tác chuyên môn do đó đạt chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn từ Đại học trở lên. Thêm vào đó ứng viên đã từng tham gia giảng dạy trong nhiều chương trình tập huấn và đào tạo chuyên môn cho cán bộ và nông dân trong ngành nuôi trồng thủy sản

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
trong và ngoài nước.

- Ứng viên có trên 12 năm kinh nghiệm trong các tác giảng dạy bậc Đại học và sau Đại học bao gồm trực tiếp đứng giảng dạy trên lớp, thực hành và hướng dẫn sinh viên, học viên tốt nghiệp.

- Ứng viên có kiến thức chuyên môn cao, sử dụng (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Anh thành thạo.

Ứng viên đã thực hiện tốt nhiệm vụ của giảng viên:

- *Về Nhiệm vụ giảng dạy:* Ứng viên đã và đang giảng dạy đúng theo mục tiêu, yêu cầu và chương trình do Trường đại học/Học viện nơi ứng viên tham gia giảng dạy với tư cách là giáo viên thỉnh giảng bao gồm cả hướng dẫn tốt nghiệp sinh viên Đại học, học viên Cao học và nghiên cứu sinh. Ứng viên tìm hiểu trình độ, kiến thức và hiểu biết của học viên; thường xuyên cập nhật thông tin khoa học từ tài liệu khoa học trong nước, quốc tế và thực tiễn nghiên cứu khoa học để xử lý, bổ sung, hoàn chỉnh, cải tiến nội dung, kế hoạch, phương pháp giảng dạy và cơ sở dữ liệu phục vụ cho giảng dạy.

- *Về Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ:* Ứng viên hiện đang công tác tại Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và thủy sản với nhiệm vụ chính là quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, các Trung tâm nghiên cứu, tư vấn, dịch vụ thủy sản nên thường xuyên tiếp xúc với nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thủy sản. Ứng viên đã và đang chủ trì, tham gia thực hiện nhiều nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ trong nước, quốc tế và được đánh giá cao. Đến thời điểm hiện tại, ứng viên đã chủ trì thành công 01 Đề tài NCKH cấp Nhà nước, 01 Đề tài NCKH cấp Bộ, 01 Đề tài NCKH cấp tỉnh, 02 đề tài cấp cơ sở. Hiện tại ứng cử viên đang chủ trì 01 Đề tài cấp Nhà nước, 01 Đề tài nhánh cấp Nhà nước. Kết quả nghiên cứu đã được công bố trên nhiều tạp chí chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước cũng như đã được trình bày tại các hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế. Kết quả NCKH của ứng viên đã và đang góp phần cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho công tác đào tạo giảng dạy.

- *Về Nhiệm vụ tham gia công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng, và các hoạt động khác:* Ngoài công tác giảng dạy và NCKH, ứng viên đồng thời tham gia các Hội đồng thẩm định bài giảng, giáo trình phục vụ đào tạo và Hội đồng bảo vệ luận án Tiến sĩ, Cao học và khoá luận tốt nghiệp Đại học tại các Trường Đại học/Học viện và Viện nghiên cứu có đào tạo Tiến sĩ. Ngoài ra, ứng viên luôn ý thức nâng cao trình độ nghiên cứu, giảng dạy, tin học và ngoại ngữ.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 12 năm.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức |
|----------------|-----------|---------------------------|-----|---------------------------|---|---|-------|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SĐH | |
| 1 | 2008-2009 | | | | | 270 | | 270/270/135 |
| 2 | 2011-2012 | | | 2 | | 180 | | 180/260/135 |
| 3 | 2016-2017 | | 1 | | 5 | 100,7 | 32,5 | 149,45/239,45/135 |
| 3 năm học cuối | | | | | | | | |
| 4 | 2017-2018 | | | 2 | 4 | 46,3 | 64,1 | 142,45/255,45/135 |
| 5 | 2018-2019 | | | 2 | | 45 | 47,3 | 115,95/195,95/135 |
| 6 | 2019-2020 | | | | | | 122,8 | 184,2/184,2/135 |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Thủy sản

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: **Australia**; năm **2003-2007 (Học Thạc sĩ năm 2003 đến năm 2004 được tuyển thẳng lên đào tạo Tiến sĩ)**

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Anh văn**

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): **Charles Darwin, Darwin, Australia**

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|----------------------|-----------|------|-----------------------|-----|------------------------------------|------------------------|---|
| | | NCS | HVCH | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Trần Thị Trang | X | | | X | 2013-2018 | Trường đại học sư phạm | 6/3/2019 |

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

| | | | | | | Hà Nội | |
|----|------------------|--|---|---|---|-----------|---|
| 2 | Đỗ Văn Sơn | | X | X | | 2009-2010 | Đại học Nông nghiệp Hà Nội 5/5/2010 |
| 3 | Nguyễn Thị Thuần | | X | X | | 2009-2010 | Đại học Nông nghiệp Hà Nội 5/6/2010 |
| 4 | Nguyễn Mạnh Hà | | X | X | | 2010-2011 | Đại học Nông nghiệp Hà Nội 5/5/2011 |
| 5 | Nguyễn Văn Quyền | | X | X | | 2010-2011 | Đại học Nông nghiệp Hà Nội 5/5/2011 |
| 6 | Trần Thị Trang | | X | X | | 2010-2011 | Trường đại học sư phạm Hà Nội 10/7/2012 |
| 7 | Đông Quốc Trình | | X | X | | 2011-2012 | Đại học Nha Trang 28/6/2012 |
| 8 | Nguyễn Hữu Đức | | X | X | | 2011-2013 | Đại học Nha Trang 28/6/2012 |
| 9 | Trần Thanh | | X | X | | 2012-2013 | Học Viện Nông nghiệp Việt Nam 25/10/2013 |
| 10 | Nguyễn Thị Hiến | | X | X | | 2013-2014 | Học Viện Nông nghiệp Việt Nam 25/5/2015 |
| 11 | Đình Quang Thuần | | X | X | | 2015-2016 | Đại học Nha Trang 30/12/2015 |
| 12 | Triệu Anh Tuấn | | X | X | | 2014-2015 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 08/01/2016 |
| 13 | Nguyễn Thu Trang | | X | X | | 2017-2018 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 20/5/2018 |
| 14 | Phan Thị Cảnh | | X | | X | 2017-2018 | Học Viện Nông nghiệp Việt Nam 25/12/2018 |
| 15 | Trần Ngọc Anh | | X | X | | 2017-2018 | Học Viện Nông nghiệp Việt Nam 25/12/2018 |
| 16 | Lê Phi Hùng | | X | X | | 2018-2019 | Học Viện Nông nghiệp Việt Nam 16/12/2019 |
| 17 | Chu Thị Lan | | X | X | | 2018-2019 | Trường đại học Sư phạm Hà Nội 26/12/2018 |

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----------------------|--|----------------------------|---|------------|----------|---|--|
| Trước Tiến sĩ | | | | | | | |
| 1 | Bón phân cho ao và kết hợp loài cá nuôi | CK | NXB Nông nghiệp 2007 63-630/NN-2007-422/06-07 | 6 | Tham gia | 49-159 | Giấy xác nhận của Đại học Vinh (23/6/2020) |
| Sau Tiến sĩ | | | | | | | |
| 2 | Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chim vây vàng | TK | NXB Nông nghiệp 2011 | 2 | Chủ biên | 3-35 | Giấy xác nhận của Đại học Vinh (23/6/2020) |
| 3 | Sinh sản nhân tạo cá ứng dụng hormone steroid | CK | NXB Nông nghiệp 2011 | 23 | Tham gia | 32-46 | Giấy xác nhận của Đại học Vinh (23/6/2020) |
| 4 | Molecular genetic studied of Common carp. | CK | LAP LAMBERT Academic Publishing AG & Co. KG – Germany, 2009 | 2 | Chủ biên | 1-163 | Giấy xác nhận của Đại học Vinh (23/6/2020) |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----|--|-----------|-----------------------------|---------------------|---|
| | Sau Tiến sĩ | | | | |
| 1 | ĐT: Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ nuôi thâm canh cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) trong ao bằng thức ăn công nghiệp | CN | R&D-2008/17/3.3.2, Cấp Bộ | 2008-2010 | 18/11/2010; Loại khá |
| 2 | ĐT: Nghiên cứu sản xuất giống cá ngạnh (<i>Cranoglamis sinensis</i>) | CN | Cơ sở (Bộ NN&PTNT đặt hàng) | 2009-2010 | 22/4/2012; Loại khá |
| 3 | ĐT: Nghiên cứu công nghệ nuôi thương phẩm cá chim vây vàng trong lồng bằng thức ăn công nghiệp (<i>Trachinotus blochii</i>) tại vùng biển Quảng Ninh | CN | Tỉnh (Quảng Ninh) = cấp Bộ | 2011-2012 | 26/9/2012; Loại khá |
| 4 | ĐT: Đánh giá đa dạng di truyền một số quần thể ngao (<i>M. lyrata</i>) ở Việt Nam | CN | Cơ sở (Bộ NN&PTNT đặt hàng) | 2011-2012 | 30/12/2012; Loại khá |
| 5 | ĐT: Nghiên cứu đánh giá đa dạng di truyền ốc hương và tu hài | CN | Nhà nước | 2013-2016 | 2017; Loại loại khá |

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Năm công bố |
|----|---|------------|------------------|--|---|--|----------------|-------------|
| | Trước Tiến sĩ | | | | | | | |
| 1 | Steroids gây chính noãn bào và triển vọng ứng dụng trong sản xuất cá giống | 2 | | Tuyển tập các công trình nghiên cứu khoa học (1998-2000) Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản 1, Nhà xuất bản Nông nghiệp | | | 440-445 | 2000 |
| 2 | Use of pineapple juice for elimination of egg stickiness of common carp (<i>Cyprinus carpio</i>) | 2 | X | Asian Fisheries Science | SCOPUS /Q4 | | 17:159-162 | 2004 |
| 3 | Evaluation of fish production using organic and inorganic fertilizer: Application to grass carp polyculture | 4 | | Applied Aquaculture | ISI | | 17: 19-34 | 2005 |
| 4 | Evaluation of optimal species ratio to maximize fish polyculture production | 5 | | Applied Aquaculture | ISI | | 35-49 | 2005 |
| 5 | Using mitochondrial nucleotide sequences to investigate | 4 | X | Anim Genet. | ISI, IF=1,099 | | 36 (1): 23-28 | 2006 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--------|--|------------------|------|
| | genealogical relationships within common carp (<i>Cyprinus carpio</i> , L) | | | | | | | |
| 6 | Genetic diversity of common carp in Vietnam using direct sequencing and SSCP analysis of the mitochondrial DNA control region | 3 | X | Aquaculture | ISI | | 258,1-4:228-240 | 2006 |
| 7 | Progress toward a global genealogy of common carp (<i>Cyprinus carpio</i> L,) strain using mitochondrial nucleotide sequence data | 4 | X | WorldFish Center Quarterly | | | 29,3&4:55-61 | 2006 |
| | Sau Tiến sĩ | | | | | | | |
| 8 | Genetic diversity of common carp (<i>Cyprinus carpio</i> L,) in Vietnam using four microsatellite | 3 | X | Aquaculture. | ISI | | 169, 1-4:174-186 | 2007 |
| 9 | Phylogenetic evaluation of subfamily classification of the Cyprinidae, focusing on Vietnamese species | 4 | X | Aquatic Living Resource | SCOPUS | | 20: 143-153 | 2007 |
| 10 | Kết quả bước đầu nghiên cứu nuôi thâm canh cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i> , Lacepede 1801) trong ao bằng thức ăn công | 2 | X | Kỷ yếu Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học và cao đẳng khối nông- | | | | 2009 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|--|--|-------------|------|
| | nghiệp | | | lâm-thủy toàn quốc Lần thứ 4 – Thái Nguyên: 774 | | | | |
| 11 | Nghiên cứu ảnh hưởng của thức ăn công nghiệp và cá tạp đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của cá hồng đỏ (<i>Lutjana erythropterus</i> Bloch, 1790) nuôi trong lồng vùng ven biển | 3 | | Kỷ yếu Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học và cao đẳng khối nông-lâm-thủy toàn quốc Lần thứ 4 – Thái Nguyên | | | 689-692 | 2009 |
| 12 | Nhập công nghệ sản xuất giống cá chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i> , Lacepede 1801) | 2 | | Kỷ yếu Hội nghị khoa học công nghệ tuổi trẻ các trường đại học và cao đẳng khối nông-lâm-thủy toàn quốc Lần thứ 4 – Thái Nguyên | | | 716-721 | 2009 |
| 13 | Ảnh hưởng của mật độ nuôi đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của cá Chim vây vàng (<i>Trachinotus blochii</i>) nuôi trong ao thương phẩm | 3 | X | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 9: 76-80 | 2012 |
| 14 | Một số đặc điểm sinh học sinh sản của Ngán (<i>Austriella corrugata</i> Deshayes, 1843) ở Quảng Ninh | 2 | | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | | | 8, 2: 14-21 | 2012 |
| 15 | Phân loại cá chép đỏ ở Việt Nam | 2 | X | Nông nghiệp và Phát triển | | | 8,2: 9-13 | 2012 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--|--|------------|------|
| | bảng trình tự DNA vùng gen D-loop | | | nông thôn | | | | |
| 16 | Nhận dạng các loài cua xanh (<i>Scylla</i> sp) ở Việt Nam bằng giải trình tự DNA ty thể vùng gen COI | 2 | X | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 7: 77-81 | 2012 |
| 17 | Nghiên cứu sự phát triển tuyến sinh dục của ngán (<i>Austriella corrugata</i> Deshayes, 1843) ở tỉnh Quảng Ninh | 3 | | Tạp chí Khoa học- Công nghệ thủy sản | | | 3: 111-115 | 2012 |
| 18 | Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản cá ngạnh (<i>Cranoglanis henrici</i> , Vaillant 1893) | 2 | | Tạp chí Khoa học và Công nghệ thủy sản | | | 2: 78-82 | 2013 |
| 19 | Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản và thử nghiệm sản xuất giống nhân tạo cua đồng (<i>Somanniathelphusa sinensis</i> , Bott 1970) | 2 | | Tạp chí Khoa học và Công nghệ thủy sản. Đại học Nha Trang | | | 2: 95-100 | 2013 |
| 20 | Ảnh hưởng của protein trong khẩu phần thức ăn đến tăng trưởng của cá chim vây vàng (<i>Trachinotus Blochii</i> Lacepède 1801) nuôi thương phẩm trong ao | 2 | | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN 1859-4581 | | | 17: 87-92 | 2014 |
| 21 | Đánh giá tích tụ Asen và Thủy ngân trong thịt tu hài nuôi tại vùng biển Vân Đồn – Quảng Ninh | 2 | | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 21: 85-89 | 2014 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|--|--------|--|----------------|------|
| 22 | Phân loại cá Tiểu bạc ở hồ Thác Bà - Yên Bái bằng chỉ thị DNA vùng gene <i>Cytochrome b</i> | 2 | X | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 10, 2: 100-105 | 2014 |
| 23 | Nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm sà sùng Vân Đồn-Quảng Ninh | 1 | X | | | | | |
| 24 | Phân loại tu hài (<i>Lutraria</i> SP) ở Việt Nam bằng giải trình tự vùng gen 16S | 2 | X | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 2: 107-113 | 2015 |
| 25 | Đánh giá đa dạng di truyền cá Bống ở các tỉnh miền núi phía Bắc sử dụng trình tự ADN ty thể | 3 | | Hội nghị Khoa học Sinh học Quốc gia lần thứ 2 tại Đà Nẵng. | | | | 2016 |
| 26 | The complete mitogenome of the marine bivalve <i>Lutraria rhynchaena</i> Jonas 1844(Heterodonta Bivalvia: Mactridae. | 4 | | Mitochondrial DNA | SCOPUS | | 27 (1): 335-6 | 2016 |
| 27 | Characterisation of 12 microsatellite loci in the Vietnamese commercial clam <i>Lutrariarhynchaena</i> Jonas 1844 (Heterodonta: Bivalvia: Mactridae) through next-generation sequencing | 6 | X | Molecular Biology Report | SCOPUS | | 43, 5: 391-396 | 2016 |
| 28 | Phân loại sà sùng Vân Đồn-Quảng Ninh bằng trình tự | 2 | X | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 10: 107-112 | 2016 |

| | | | | | | | | |
|----|--|---|---|---|--------|--|---------------------------------------|------|
| | ADN vùng gien 16S | | | | | | | |
| 29 | Sử dụng chỉ thị mã vạch để phân loại ốc hương | 3 | X | Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam | | | 13, 2: 49-52 | 2017 |
| 30 | Sự khác nhau về hình thái của tu hài giữa hai loài <i>Lutraria rhynchaena</i> (Jonas, 1844) và <i>Lutraria arcuata</i> (Reeve, 1854) ở Việt Nam | 2 | | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 6: 216-221 | 2017 |
| 31 | Đánh giá đa dạng di truyền một số quần thể tu hài (<i>Lutraria</i> sp) ở Việt Nam bằng chỉ thị Microsatellites | 4 | | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 16: 100-107 | 2017 |
| 32 | Microbiome analysis of Pacific white shrimp gut and rearing water from. Malaysia and Vietnam: implications for aquaculture research and management | 5 | | PeerJ 6:e5826; DOI 10.7717/peerj.5826 | SCOPUS | | PeerJ 6:e5826; DOI 10.7717/peerj.5826 | 2018 |
| 33 | Phát triển 11 chỉ thị Microsatellite cho ốc hương ở Việt Nam sử dụng máy giải trình tự gien thế hệ mới Miseq | 3 | X | Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 12, 2:79-83 | 2018 |
| 34 | Hiện trạng kỹ thuật và giải pháp phát triển nghề nuôi ngao giá (<i>Tapes conspersus</i>) ở huyện Vân Đồn | 2 | X | Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 7: 63-68 | 2019 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|-----------|--|---|------|
| | tỉnh Quảng Ninh | | | | | | | |
| 35 | Phân loại ngao giá ở tỉnh Quảng Ninh bằng trình tự ADN vùng gen COI | 2 | | Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 12: 136-140 | 2019 |
| 36 | Whole genome assembly of the snout otter clam, <i>Lutraria rhynchaena</i> , using Nanopore and Illumina data, benchmarked against bivalve genome assemblies | 7 | X | Frontiers in Genetics | IF: 3.517 | | section Livestock Genomics https://doi.org/10.3389/fgene.2019.01158 | 2019 |
| 37 | Đánh giá đa dạng di truyền các quần thể tu hài Việt Nam sử dụng chỉ thị SNP | 1 | X | Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 12: 100-107 | | | | 2019 |
| 38 | Ảnh hưởng của độ mặn đến tỷ lệ sống và sinh trưởng của tu hài nuôi ở vùng biển huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh | 5 | | Kỷ yếu Báo cáo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị khoa học Quốc gia lần thứ 4, Vĩnh Phúc 4/7/2020. Nhà xuất bản khoa học tự nhiên và công nghệ | | | 577-584 | 2020 |

| | | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|--|--|--------------------|------|
| 39 | Hiện trạng kỹ thuật và giải pháp phát triển nghề nuôi cá lồng ở hồ Thác Bà, Yên Bái | 2 | X | Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | 15 (1) (chờ in) | 2020 |
|----|---|---|---|---|--|--|--------------------|------|

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **04**

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: **Không**

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: **Không**

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **Không**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: **Không**

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế: **Không**

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Thái Thanh Bình